

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*QUÝ I NĂM 2011*

**TÊN ĐƠN VỊ: TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**ĐỊA CHỈ: 68 Nguyễn Trung Trực - KP 9 - Bến Lức - Long An**

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã Th. số min</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>1,052,061,098,918</b>	<b>846,116,585,772</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110 5.1</b>	<b>58,784,869,950</b>	<b>17,880,674,692</b>
1. Tiền	111	58,784,869,950	17,880,674,692
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130 5.2</b>	<b>554,567,437,386</b>	<b>404,292,324,047</b>
1. Phải thu khách hàng	131	330,124,599,425	326,978,568,663
2. Trả trước cho người bán	132	189,974,899,564	54,795,477,502
3. Phải thu nội bộ	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	35,818,634,622	23,868,974,107
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	(1,350,696,225)	(1,350,696,225)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140 5.3</b>	<b>416,680,794,614</b>	<b>401,471,945,305</b>
1. Hàng tồn kho	141	416,680,794,614	401,471,945,305
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>22,027,996,968</b>	<b>22,471,641,728</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151 5.4	4,400,204,865	3,221,572,222
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5,433,322,370	8,914,013,128
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154 5.5	1,598,192,871	1,579,242,318
4. Tài sản ngắn hạn khác	158 5.6	10,596,276,862	8,756,814,060

*(Phần tiếp theo trang 02)*

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. min</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>801,609,879,094</b>	<b>784,497,173,845</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>651,340,448,480</b>	<b>633,385,420,594</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	232,116,164,608	226,108,353,984
+ Nguyên giá	222		307,257,847,194	293,152,131,629
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75,141,682,586)	(67,043,777,645)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	47,725,333,037	47,752,083,038
+ Nguyên giá	228		48,172,549,720	48,172,549,720
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(447,216,683)	(420,466,682)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	371,498,950,835	359,524,983,572
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.10	<b>131,897,383,423</b>	<b>131,897,383,423</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		131,897,383,423	131,897,383,423
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>18,372,047,191</b>	<b>19,214,369,828</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	7,446,404,074	8,081,111,829
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.12	10,810,643,117	11,018,257,999
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.13	115,000,000	115,000,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>1,853,670,978,012</b>	<b>1,630,613,759,617</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã Th.</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>1,282,451,166,487</b>	<b>1,075,545,669,858</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>1,004,691,818,824</b>	<b>781,136,426,576</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 5.14	614,297,091,692	485,810,322,570
2. Phải trả người bán	312 5.15	89,951,243,554	100,550,306,786
3. Người mua trả tiền trước	313 5.15	14,546,982,194	7,053,730,867
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	0 5.16	6,452,231,775	10,387,501,230
5. Phải trả người lao động	315	5,898,509,284	8,812,925,231
6. Chi phí phải trả	316 5.17	62,382,404,566	56,260,978,235
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 5.18	195,989,776,441	100,362,841,823
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	15,173,579,318	11,897,819,834
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>277,759,347,663</b>	<b>294,409,243,282</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333 5.19	5,820,458,468	5,116,848,708
4. Vay và nợ dài hạn	334 5.20	248,944,100,796	265,726,892,489
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335 5.21	16,905,181	14,510,651
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336	36,914,475	40,433,600
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338 5.22	22,940,968,743	23,510,557,834
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339	-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>557,441,248,064</b>	<b>541,338,274,348</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 5.23</b>	<b>557,441,248,064</b>	<b>541,338,274,348</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	443,753,850,000	443,753,850,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	(7,500,000,000)	(7,500,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	76,666,057	44,715,649
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	16,482,223,295	14,364,348,663
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	14,312,511,004	12,618,211,299
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	1,376,512,290	952,937,364
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	88,939,485,419	77,104,211,373
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500 5.24</b>	<b>13,778,563,461</b>	<b>13,729,815,411</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1,853,670,978,012</b>	<b>1,630,613,759,617</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính



**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		2,382,900.22	7,783.56
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGUYỄN THỊ TRÚC**

Ngày 10 tháng 05 năm 2011

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHẠM PHÚC TOẠI**

# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG


Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Quý I Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	T M	Quý I	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		391,790,870,860	215,070,085,603
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8,602,942,889	5,670,701
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	<b>383,187,927,971</b>	<b>215,064,414,902</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	302,394,833,238	185,429,263,638
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		<b>80,793,094,733</b>	<b>29,635,151,264</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1,877,279,570	1,732,283,195
7. Chi phí tài chính	22	6.4	21,052,346,638	5,698,213,095
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14,225,488,545	5,698,213,095
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	24,622,131,281	2,408,987,959
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	15,957,319,089	13,544,995,849
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>21,038,577,295</b>	<b>9,715,237,556</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	1,450,090,524	52,527,916,165
12. Chi phí khác	32	6.8	1,743,321,749	42,791,007,517
13. Lợi nhuận khác	40		<b>(293,231,225)</b>	<b>9,736,908,648</b>
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50			(1,541,811)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		<b>20,745,346,070</b>	<b>19,450,604,393</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		119,565,538	2,817,106,503
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.9	261,553,156	292,901,521
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<b>20,364,227,376</b>	<b>16,340,596,369</b>
18. Lợi ích của cổ đông thiểu số			(27,990,525)	(177,056,918)
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			<b>20,392,217,901</b>	<b>16,517,653,287</b>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.2	461	561

Long An, ngày 10 tháng 05 năm 2011

  
\_\_\_\_\_

**Nguyễn Thị Trúc**  
Kế toán trưởng



**Phạm Phúc Toại**  
Tổng Giám đốc

# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>20,745,346,070</b>	<b>19,450,604,393</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		8,221,400,608	8,320,065,942
Các khoản dự phòng	03		-	
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		31,950,408	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		516,405,826	(12,291,333,858)
Chi phí lãi vay	06		14,225,488,545	5,698,213,095
Điều chỉnh khác				
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>43,740,591,457</b>	<b>21,177,549,572</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(149,976,599,877)	149,754,531,712
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15,208,849,309)	(27,587,289,801)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		105,599,709,727	(184,522,323,922)
Tăng giảm chi phí trả trước	12			(3,963,512,583)
Tiền lãi vay đã trả	13		(28,042,863,507)	(9,343,261,981)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,088,336)	(17,219,474,299)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			296,178,196
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(908,120,551)	(650,402,546)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>			<b>(44,798,220,396)</b>	<b>(72,058,005,652)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(26,763,400,828)	(6,148,098,742)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		634,707,755	272,727,273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			-
4. khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		145,131,298	1,537,665,645
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(25,983,561,775)</b>	<b>(4,337,705,824)</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của thuyết minh báo cáo tài chính

# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

### III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	285,810,197,670	121,289,150,333
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(174,106,220,241)	(80,573,641,693)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18,000,000)	(5,275,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>111,685,977,429</b>	<b>40,710,233,640</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>40,904,195,258</b>	<b>(35,685,477,836)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>17,880,674,692</b>	<b>69,597,111,374</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>58,784,869,950</b>	<b>33,911,633,538</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
HOÀNG LONG  
H. BẾN LÚC - T. LONG AN

Phạm Phúc Coại



# **8 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1.1. Các thông tin chung**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 08 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

#### **1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điều, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mướn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi ( ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyên nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng ( trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất và chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

(Phần tiếp theo ở trang 9)

**9 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất**

**1.3.1. Công ty con trực tiếp**

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	281-283 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP.HCM	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
7.	Công ty CP Hoàng Long Mê Kông	Số 154D, đường 134, P.Veal Vong, Quận 7 Makara, TP.Pnompenh Campuchia	55%	83.81%

**1.3.2. Công ty con gián tiếp**

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty CP Thanh Mỹ	469 Đinh Bộ Lĩnh, KP5, Phường 9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	60%	56.22%

**1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất**

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, Q.7, TP.HCM	30%	30%

**2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

# 10 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011.

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán trực tiếp vào chi phí trong kỳ.

#### 4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

# 11 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 – 50 năm

#### 4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

#### 4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

# 12 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

#### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

#### 4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

#### 4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.211.101.871	777.657.447
Tiền gửi ngân hàng	56.573.768.079	17.103.017.245
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.784.869.950</b>	<b>17.880.674.692</b>

**13 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	330.124.599.425	326.978.568.663
Trả trước cho người bán	189.974.899.564	54.795.477.502
Các khoản phải thu khác	35.818.634.622	23.868.974.107
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>555.918.133.611</b>	<b>405.643.020.272</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.350.696.225)	(1.350.696.225)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>554.567.437.386</b>	<b>404.292.324.047</b>

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về hoạt động thương mại	255.587.994.375	242.855.217.457
Phải thu hoạt động thi công	-	1.047.857.984
Phải thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	73.944.929.689	83.075.493.222
Phải thu hoạt động taxi	591.675.361	-
<b>Cộng</b>	<b>330.124.599.425</b>	<b>326.978.568.663</b>

Các khoản trả trước người bán được chi tiết như sau :

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước về mua sắm và xây dựng cơ bản tài sản cố định	63.128.997.366	41.548.971.881
Trả trước hoạt động thi công	5.311.709.683	7.117.700.432
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	73.985.217.261	2.451.694.000
Khác	47.548.975.254	3.677.111.189
<b>Cộng</b>	<b>189.974.899.564</b>	<b>54.795.477.502</b>

Chi tiết các khoản phải thu khác gồm :

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức cho nhân viên		
Phải thu tiền cho vay, mượn	11.927.013.101	11.995.316.400
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.224.586.737	1.227.774.537
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	1.529.857.654	3.188.838.016
Ứng trước tiền liên kết nuôi thủy sản	4.577.826.500	5.690.909.000
Khác	16.559.350.630	1.766.136.154
<b>Cộng</b>	<b>35.818.634.622</b>	<b>23.868.974.107</b>



**14 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.3. Hàng tồn kho**

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	-	27.395.557.083
Nguyên liệu, vật liệu	79.849.136.286	45.349.914.382
Công cụ, dụng cụ	6.067.149.509	4.441.815.315
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	204.623.262.443	182.137.495.781
Thành phẩm	97.620.265.456	113.033.139.039
Hàng hóa	28.519.558.791	29.112.601.576
Hàng gửi bán	1.422.129	1.422.129
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>416.680.794.614</b>	<b>401.471.945.305</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>416.680.794.614</b>	<b>401.471.945.305</b>

**5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	1.811.460.745	189.446.564
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.385.112.067	1.624.706.179
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	1.154.973.720	1.231.655.221
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	47.533.333	-
Khác	1.125.000	175.764.258
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.400.204.865</b>	<b>3.221.572.222</b>

**5.5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế TNDN nộp thừa	1.471.316.103	1.568.703.577
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	115.486.258	-
Khác	11.390.510	10.538.741
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.598.192.871</b>	<b>1.579.242.318</b>

**5.6. Tài sản ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	6.166.371.147	6.678.977.852
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.429.905.715	2.077.836.208
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.596.276.862</b>	<b>8.756.814.060</b>

**15 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	22.916.027.245	62.938.757.838	200.600.239.945	4.010.812.894	2.686.293.707	293.152.131.629
Mua trong kỳ	2.228.201.800	1.316.861.854	10.653.683.138	53.815.336	138.262.742	14.390.824.870
Giảm khác	-	-	398.608.695	-	-	398.608.695
Thanh lý	-	-	(662.496.000)	(21.222.000)	-	(683.718.000)
Phân loại TSCĐ	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>25.144.229.045</b>	<b>64.255.619.692</b>	<b>210.990.035.778</b>	<b>4.043.406.230</b>	<b>2.824.556.449</b>	<b>307.257.847.194</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	3.909.558.512	8.189.256.940	51.591.940.601	2.833.331.983	519.689.609	67.043.777.645
Khấu hao trong kỳ	462.285.894	1.485.909.770	5.923.275.280	257.843.205	71.523.359	8.200.837.508
Tăng khác	-	1.154.870	6.759.518	5.253.547	-	13.167.935
Thanh lý	-	-	(77.292.166)	(19.453.500)	-	(96.745.666)
Giảm khác	-	-	(19.354.836)	-	-	(19.354.836)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.371.844.406</b>	<b>9.676.321.580</b>	<b>57.425.328.397</b>	<b>3.076.975.235</b>	<b>591.212.968</b>	<b>75.141.682.586</b>
Tại ngày đầu kỳ	19.006.468.593	54.749.500.898	149.008.299.344	1.177.480.911	2.166.604.098	226.108.353.984
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>20.772.384.639</b>	<b>54.579.298.112</b>	<b>153.564.707.381</b>	<b>966.430.995</b>	<b>2.233.343.481</b>	<b>232.116.164.608</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp là 113.954.268.649 đồng
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.003.332.783 đồng



**16 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	48.162.249.720	10.300.000	48.172.549.720
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>48.162.249.720</b>	<b>10.300.000</b>	<b>48.172.549.720</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	410.166.682	10.300.000	420.466.682
Khấu hao trong kỳ	26.750.001	-	107.000.004
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>436.916.683</b>	<b>10.300.000</b>	<b>447.216.683</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	47.752.083.038	-	47.752.083.038
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>47.725.333.037</b>	<b>-</b>	<b>47.725.333.037</b>

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 10.300.000 đồng

**5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm	Đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	110.825.544.108	99.027.981.727
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.792.451.846	4.619.233.443
Mạng lưới cung cấp nước sạch khu dân cư thị trấn Bến Lức	195.643.607	121.058.955
Chi phí đầu tư mua sắm mới xe taxi	(966.000.000)	46.000.000
Công trình nhà máy chế biến thủy sản Thủy Sản Hoàng Long	246.139.714.683	242.141.685.134
Chi phí xây dựng nhà xưởng sản xuất nước đá	10.395.851.591	13.481.734.313
Khác	115.745.000	87.290.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>371.498.950.835</b>	<b>359.524.983.572</b>

**5.10. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	131.897.383.423	131.897.383.423
Đầu tư dài hạn khác	-	-
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>131.897.383.423</b>	<b>131.897.383.423</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>131.897.383.423</b>	<b>131.897.383.423</b>

**17 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết công ty liên kết Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại đầu tư	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/03/2011	Tỷ lệ vốn góp theo giấy phép kinh doanh
+ Công ty TNHH SX và TM Thanh Thy	Liên kết	131.897.383.423	30%
<b>Cộng</b>		<b>131.897.383.423</b>	

**5.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí CCDC chờ phân bổ	7.047.210.083	7.548.665.165
Chi phí sửa chữa lớn	96.814.356	85.140.213
Chi phí san lấp mặt bằng máy nước	38.868.750	51.825.000
Thiết bị, phụ tùng xe ô tô	245.310.885	395.481.451
Chi phí khác	18.200.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.446.404.074</b>	<b>8.081.111.829</b>

**5.12. Tài sản thuế hoãn lại**

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim	3.484.474.394	3.484.474.394
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	7.139.034.378	7.139.034.378
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khác	187.134.345	394.749.227
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.810.643.117</b>	<b>11.018.257.999</b>

**5.13. Tài sản dài hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ thuê kho theo HĐ số 02/TMB08 ngày 10/10/2008 với công ty Phương Nam	100.000.000	100.000.000
Đặt cọc khác	15.000.000	15.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>115.000.000</b>	<b>115.000.000</b>



# 18 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.14. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	614.297.091.692	485.810.322.570
<b>Tổng cộng</b>	<b>614.297.091.692</b>	<b>485.810.322.570</b>

Vay ngân hàng với lãi suất từ 12%/năm đến 14,7%/năm đối với VNĐ, 6,3%/năm đến 8,5%/năm đối với USD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp sau :

- 20.421.418 cổ phiếu HLG
- Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại 281-283 An Dương Vương Q.5, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp số 407/EIB-MT/TC/2010 ngày 14/12/2010
- Quyền sử dụng đất tại Huyện Cần Đước – Tỉnh Long An theo hợp đồng số 01/CV/0210/TDC/11LD ngày 23/03/2011.
- Các xe ô tô mua để kinh doanh theo hợp đồng thế chấp số 4711/2010/HĐTC-DN-HCM ngày 16/11/2010 với tổng giá trị là 23.516.526.480 đồng.
- Toàn bộ bất động sản tại nhà máy, hàng tồn kho, các trang thiết bị, máy móc tại nhà máy chế biến thủy sản.

### 5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	89.951.243.554	100.550.306.786
Người mua trả tiền trước	14.546.982.194	7.053.730.867
<b>Tổng cộng</b>	<b>104.498.225.748</b>	<b>107.604.037.653</b>

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả tiền đền bù giải tỏa	5.707.412.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi	7.194.160.000	7.194.160.000
Phải trả tiền chi phí quản cáo TT xúc tiến TM & Đầu Tư Tỉnh Đồng Tháp	800.000.000	-
Phải trả tiền mua nguyên liệu thuốc lá	10.468.200.650	14.471.305.968
Phải trả tiền mua cát	225.746.000	1.389.775.580
Phải trả tiền mua nguyên liệu chế biến thủy sản	57.061.046.285	58.953.403.707
Phải trả về hoạt động thi công	7.421.265.106	10.631.833.825
Khác	1.073.413.513	2.202.415.706
<b>Cộng</b>	<b>89.951.243.554</b>	<b>100.550.306.786</b>

Chi tiết khoản người mua trả tiền trước như sau :

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	2.249.526.172	2.466.644.371
Trả trước cho hoạt động thương mại	11.532.920.741	3.813.357.346
Khác	764.535.281	773.729.150
<b>Cộng</b>	<b>14.546.982.194</b>	<b>7.053.730.867</b>

**19 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Thuế GTGT hàng nội địa	404.535.014	4.430.851.836
Thuế TNDN	5.150.451.408	5.130.353.222
Thuế TNCN	249.768.182	180.314.476
Thuế tài nguyên	14.827.253	13.331.778
Các khoản phí, lệ phí	632.649.918	632.649.918
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.452.231.775</b>	<b>10.387.501.230</b>

**5.17. Chi phí phải trả**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	28.556.137.510	28.556.137.510
Trích trước chi phí nuôi cá chưa quyết toán	2.146.538.922	7.770.000.000
Trích trước chi phí lãi vay	279.441.627	1.266.050.218
Tiền gia công cá nguyên liệu	12.886.496.000	155.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.382.404.566</b>	<b>56.260.978.235</b>

**5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	1.299.800	1.299.800
Kinh phí công đoàn	433.377.478	416.737.232
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.975.550.987	362.396.726
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	658.565.000	658.565.000
Phải trả Công ty TNHH Thanh Thy	23.633.443.935	24.557.443.935
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	40.379.161.184	9.382.866.150
Phải trả tiền vay các đối tượng khác	117.984.810.598	63.634.629.445
Phải trả quỹ hỗ trợ tai nạn lái xe	1.079.918.280	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.843.649.179	1.348.903.535
<b>Tổng cộng</b>	<b>195.989.776.441</b>	<b>100.362.841.823</b>

**5.19. Phải trả dài hạn khác**

Đây là khoản nhận ký quỹ của tài xế lái xe taxi.

## 20 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.20. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	248.944.100.796	265.726.892.489
<b>Tổng cộng</b>	<b>248.944.100.796</b>	<b>265.726.892.489</b>

Vay ngân hàng với lãi suất là 10.5%/năm đến 19%/năm đối với VNĐ, 6%/năm đến 7.2%/năm đối với USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp gồm:

- Giấy chứng nhận QSD đất số AB 240676 do UBND huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp ngày 13/09/2005; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Long An cấp ngày 26/09/2010. Theo hợp đồng thế chấp số 0250/NHNT-TDC/BL10 ngày 13/08/2009, tài sản thế chấp kể trên được định giá là 14.193.430.000 đồng.
- 7.400.658 cổ phiếu HLG theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- Ô tô kinh doanh taxi hình thành từ vốn vay với tổng trị giá tài sản thế chấp là 85.893.140.635 đồng.

### 5.21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho	16.905.181	14.510.651
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.905.181</b>	<b>14.510.651</b>

### 5.22. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng ứng trước theo tiến độ hợp đồng kinh doanh bất động sản	22.940.968.743	23.510.557.834
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.940.968.743</b>	<b>23.510.557.834</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.23 Vốn chủ sở hữu**

**5.23.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu kỳ năm trước</b>	<b>295.807.110.000</b>	<b>102.592.150.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>5.091.998</b>	<b>27.347.420.860</b>	<b>132.040.158.808</b>	<b>550.291.931.666</b>
Tăng vốn	147.946.740.000	(102.592.150.000)	-	-	(793.200.000)	(44.561.390.000)	-
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	42.357.492.634	42.357.492.634
Trích quỹ	-	-	-	-	1.381.276.466	(2.762.552.931)	(1.381.276.465)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(49.691.270.200)	(49.691.270.200)
CL tỷ giá	-	-	-	39.623.651	-	-	39.623.651
Phần lỗ gánh chịu cho CĐTS	-	-	-	-	-	(278.226.938)	(278.226.938)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>-</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>44.715.649</b>	<b>27.935.497.326</b>	<b>77.104.211.373</b>	<b>541.338.274.348</b>
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	20.392.217.901	20.392.217.901
CL tỷ giá	-	-	-	31.950.408	-	-	31.950.408
Phần lỗ gánh chịu cho CĐTS	-	-	-	-	-	(70.566.508)	(70.566.508)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(68.235.027)	(68.235.027)
Trích quỹ	-	-	-	-	4.235.749.262	(8.400.142.320)	(4.164.393.058)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.000.000)	(18.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>-</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>76.666.057</b>	<b>32.171.246.588</b>	<b>88.939.485.419</b>	<b>557.441.248.064</b>

**22 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.23.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của các đối tượng khác	443.753.850.000	443.753.850.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>443.753.850.000</b>

**5.23.3. Cổ phần**

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	44.225.385

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**5.23.4. Lãi cơ bản trên cổ phần**

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	20.392.217.901	42.357.492.634
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	44.225.385	29.552.311
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>461</b>	<b>1.433</b>

**5.24. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	13.729.815.411	13.611.824.094
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong kỳ	-	200.000.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	48.748.050	(82.008.683)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.778.563.461</b>	<b>13.729.815.411</b>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động thương mại	37.165.486.090	385.432.414.276
Doanh thu hoạt động thi công	45.435.629	22.552.917.093
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	99.286.682.605
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	4.335.191.272
Doanh thu cung cấp nước	1.359.105.200	4.207.029.346
Doanh thu taxi	33.575.115.721	105.699.262.745
Doanh thu cung cấp nước đóng chai	2.781.871.494	-
Doanh thu chế biến, nuôi trồng thủy sản	316.863.856.726	535.803.092.217
Doanh thu khác	-	6.775.591.277
Hàng bán bị trả lại	(8.602.942.889)	(12.508.226.359)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>383.187.927.971</b>	<b>1.151.583.954.472</b>



**23 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động thương mại	35.286.073.638	378.867.809.426
Giá vốn hoạt động thi công	17.701.313	17.516.844.089
Giá vốn hoạt động bất động sản	-	39.736.071.823
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	327.001.786
Giá vốn cung cấp nước	869.112.847	3.547.478.875
Giá vốn hoạt động taxi	25.496.197.145	83.136.931.503
Giá vốn cung cấp nước đóng chai	1.686.902.168	-
Giá vốn chế biến, nuôi trồng thủy sản	239.038.846.127	438.973.293.883
Giá vốn hoạt động khác	-	6.640.386.552
<b>Tổng cộng</b>	<b>302.394.833.238</b>	<b>968.745.817.937</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	145.131.298	2.602.236.538
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.732.148.272	5.504.103.386
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.879.279.407
Khác	-	13.270
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.877.279.570</b>	<b>17.985.632.601</b>

**6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.225.488.545	38.233.297.976
Chi phí chiết khấu thanh toán	-	3.707.653.445
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.826.858.093	8.105.538.680
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	24.630.647
Chi phí cho khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.052.346.638</b>	<b>50.071.120.748</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	981.402.313	3.824.932.423
Chi phí vật liệu bao bì	4.582.388.389	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	133.427.909	9.661.455.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	136.130.394	540.436.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.526.487.164	22.105.525.925
Chi phí bằng tiền khác	5.262.295.112	11.563.226.939
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.622.131.281</b>	<b>47.695.577.016</b>



## 24 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.758.020.259	34.952.479.270
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	695.892.816	2.484.245.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.295.634.633	4.754.342.138
Thuế, phí và lệ phí	204.362.646	820.369.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.152.048.071	7.509.359.777
Chi phí bằng tiền khác	3.851.360.664	14.962.026.673
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.957.319.089</b>	<b>65.482.822.430</b>

### 6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu phí đo đạc	33.883.637	-
Thu tiền bán phế liệu	258.261.486	1.872.176.839
Thu thanh lý tài sản cố định	582.978.300	72.898.038.871
Thu lại trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	281.568.040	6.713.539.216
Thu nhập khác	293.399.061	2.731.196.911
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.450.090.524</b>	<b>84.214.951.837</b>

### 6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	1.372.031.805
Chi phí thanh lý tài sản cố định	570.003.881	59.723.292.807
Chi phí do không thực hiện hợp đồng	-	-
Chi phí khác	1.173.317.868	3.673.295.571
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.743.321.749</b>	<b>64.768.620.183</b>

### 6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chênh lệch tạm thời	Số tiền	Thuế suất	Chi phí thuế hoãn lại
Chi phí thuế hoãn lại từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện của kỳ này	1.046.212.624	25%	261.553.156
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.046.212.624</b>		<b>261.553.156</b>

### 7. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, được gọi là các bên liên quan, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

TY  
HÀT  
ĐÀ  
LONG  
LC

**25 TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu Ông Phạm Phúc Toại	3.066.700.000	-
Phải thu Cty An Thịnh	1.100.000.000	-
Phải thu Phạm Thúy An	700.000.000	-
Phải thu Cty Kim Hoàng Long	5.460.000	-
Phải thu Phạm Thu Hiền	1.250.000.000	-
Phải trả Ông Phạm Phúc Toại	3.726.520.863	5.470.359.000
Phải trả Công ty Thanh Thy	23.633.443.935	24.557.443.935
Phải trả Cty An Thịnh	12.072.455.500	-
Phải trả Cty Kim Hoàng Long	36.490.000.000	-
Phải trả Cty TM Hoàng Long	27.450.0000.000	-

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay công ty TNHH Thanh Thy	647.083.408	600.893.249

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc	384.451.698	276.509.886

**8. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

**9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 10 tháng 05 năm 2011.

Long An, ngày 10 tháng 05 năm 2011

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

  
 \_\_\_\_\_

**NGUYỄN THỊ TRÚC**



**PHẠM PHÚC TOẠI**

